



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 3 tháng 7 năm 2026. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Trịnh Văn Tuấn

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập
(đến ngày 17/5/2026^(*))
Thành viên độc lập
Thành viên độc lập
(từ ngày 11/8/2026)
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Ông Nguyễn Văn Thức
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Nguyễn Văn Cường
Ông Đào Anh Thắng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Phó Tổng Giám đốc Nội chính
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ủy ban Kiểm toán

Bà Vũ Thị Minh Nhật
Bà Đặng Phương Lan

Chủ tịch
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

(*) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên hội đồng quản trị độc lập

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00190-26-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

C.T.T.N.H.
Hà Nội

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		5.186.137.411.231	4.994.152.756.920
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	321.922.568.357	435.809.228.096
Tiền	111		321.922.568.357	174.463.092.583
Các khoản tương đương tiền	112		-	261.346.135.513
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.411.173.342.467	2.709.846.443.836
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	10(a)	2.411.173.342.467	2.709.846.443.836
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		809.935.959.798	461.343.243.778
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	699.336.888.657	374.151.723.141
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	150.414.931.601	133.427.818.150
Phải thu ngắn hạn khác	135	13	9.468.613.315	9.829.766.294
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	14	(49.284.473.775)	(56.066.063.807)
Hàng tồn kho	140	15	1.599.879.423.662	1.336.661.843.260
Hàng tồn kho	141		1.600.459.884.681	1.337.242.304.279
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(580.461.019)	(580.461.019)
Tài sản ngắn hạn khác	160		43.226.116.947	50.491.997.950
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	18(a)	43.030.319.104	47.074.330.245
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	21	195.797.843	3.417.667.705

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		1.612.447.086.974	1.630.934.858.824
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.272.496.736	8.272.496.736
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		8.272.496.736	8.272.496.736
Tài sản cố định	220		1.134.480.892.824	1.148.300.758.037
Tài sản cố định hữu hình	221	16	1.134.480.892.824	1.148.300.758.037
Nguyên giá	222		3.063.797.969.918	3.010.819.476.124
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.929.317.077.094)	(1.862.518.718.087)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		2.501.022.223	2.501.022.223
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.501.022.223)	(2.501.022.223)
Tài sản dở dang dài hạn	250		41.503.078.772	40.472.378.026
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	17	41.503.078.772	40.472.378.026
Đầu tư tài chính dài hạn	260		330.672.188.600	330.672.188.600
Đầu tư vào công ty con	261	10(b)	131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	262	10(b)	113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10(b)	101.360.188.600	101.360.188.600
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	10(b)	(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	10(a)	10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	270		97.518.430.042	103.217.037.425
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	18(b)	97.518.430.042	103.217.037.425
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		6.798.584.498.205	6.625.087.615.744

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.775.447.838.888	2.704.047.467.660
Nợ ngắn hạn	310		2.775.447.838.888	2.704.047.467.660
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	460.116.637.793	274.728.332.355
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	30.330.308.993	812.287.810.720
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	21	110.497.765.993	219.071.576.788
Phải trả người lao động	315		102.334.833.111	53.154.688.020
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	22	196.984.148.972	129.360.544.629
Phải trả ngắn hạn khác	320	23	28.427.717.870	143.482.955.805
Vay ngắn hạn	321	24	1.838.498.021.858	1.067.385.043.400
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	25	8.258.404.298	4.576.515.943
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	26	4.023.136.659.317	3.921.040.148.084
Vốn cổ phần	411	27	2.052.452.040.000	1.710.382.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.052.452.040.000	1.710.382.200.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	1.217.621.008.916	1.217.621.008.916
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		753.063.610.401	993.036.939.168
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		43.269.779.573	47.210.343.220
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	420b		709.793.830.828	945.826.595.948
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.798.584.498.205	6.625.087.615.744

Ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập và Kế toán trưởng



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật




Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng	01	31	3.448.914.938.075	3.027.431.583.838
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	131.762.044.571	93.314.343.576
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	31	3.317.152.893.504	2.934.117.240.262
Giá vốn hàng bán	11	32	2.237.715.078.150	2.091.558.594.730
Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		1.079.437.815.354	842.558.645.532
Doanh thu hoạt động tài chính	22	33	236.714.128.562	179.127.918.049
Chi phí tài chính	23	34	62.195.939.679	50.949.402.796
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		38.235.785.036	34.453.641.005
Chi phí bán hàng	25	35	271.823.621.963	262.586.638.773
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	132.691.635.482	120.128.868.960
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		849.440.746.792	588.021.653.052
Thu nhập khác	31		945.413.848	1.714.060.177
Chi phí khác	32		15.125.629	169.155.318
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		930.288.219	1.544.904.859
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		850.371.035.011	589.566.557.911
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	140.577.204.183	97.313.878.065
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		709.793.830.828	492.252.679.846

Ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập và Kế toán trưởng


Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật




Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	850.371.035.011	589.566.557.911
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	68.767.633.607	73.102.933.243
Các khoản dự phòng	03	(6.781.590.032)	2.815.741.287
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(293.993.011)	(69.160.260)
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(235.780.817.691)	(178.891.323.948)
Chi phí đi vay	06	38.235.785.036	34.453.641.005
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	714.518.052.920	520.978.389.238
Tăng các khoản phải thu	09	(338.458.267.716)	(89.484.812.242)
Tăng hàng tồn kho	10	(263.217.580.402)	(145.833.556.954)
Giảm các khoản phải trả	11	(639.757.489.366)	(198.052.001.967)
Giảm/(tăng) chi phí chờ phân bổ	12	9.742.618.524	(1.797.012.823)
		(517.172.666.040)	85.811.005.252
Chi phí đi vay đã trả	14	(37.213.813.399)	(34.320.621.362)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(227.486.238.824)	(44.285.309.864)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(90.900.771.240)	(71.525.297.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(872.773.489.503)	(64.320.223.774)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(33.728.412.355)	(78.678.343.222)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	78.703.704	989.090.909
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng và đầu tư trái phiếu	23	(1.180.000.000.000)	(1.576.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	24	1.480.000.000.000	1.368.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	234.375.215.356	178.190.509.188
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	500.725.506.705	(107.498.743.125)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.575.244.981.810	2.302.684.699.373
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.804.132.003.352)	(1.987.367.644.060)
Tiền trả cổ tức	36	(513.114.660.000)	(356.330.710.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	257.998.318.458	(41.013.654.687)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(114.049.664.340)	(212.832.621.586)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	435.809.228.096	515.428.078.360
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	163.004.601	65.330.771
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	321.922.568.357	302.660.787.545

Ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập và Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính




Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 3 tháng 7 năm 2026.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất; và
- Giáo dục và đào tạo các cấp, đào tạo nghề, dạy ngoại ngữ, kỹ năng sống, năng khiếu và các dịch vụ dạy kèm khác.

Trong kỳ, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh 10(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 1.305 nhân viên (1/1/2026: 1.292 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh 4(a)); và
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(c)(i)); và
- Các khoản phải thu (Thuyết minh 4(d)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất, ngoại trừ các thay đổi được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh 4(a)); và
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(c)(i)); và
- Các khoản phải thu (Thuyết minh 4(d)).

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu được bao gồm trong khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác”.

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu được bao gồm trong khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.

Do sự thay đổi trong chính sách kế toán, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại như đã nêu tại Thuyết minh 40.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 21 đến 31 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác

Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Doanh thu cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ/năm trước.

5. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Những ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không có sự thay đổi trọng yếu so với các ước tính kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

7. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền mặt	309.572.629	323.314.694
Tiền gửi ngân hàng	321.612.995.728	174.139.777.889
Các khoản tương đương tiền	-	261.346.135.513
	321.922.568.357	435.809.228.096

Chi tiết theo từng ngân hàng có số dư tiền gửi không kỳ hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng số dư tiền gửi không kỳ hạn:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	21.605.811.286	41.242.834.684
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	136.367.061.790	103.945.297.511
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	60.391.311.760	1.702.501.075
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Hải Phòng	45.655.670.701	3.224.312.951
Các ngân hàng khác	57.593.140.191	24.024.831.668
	321.612.995.728	174.139.777.889

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/6/2026			1/1/2026		
	Số lượng	Giá gốc/Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc/Giá trị phân bổ VND (Đã phân loại lại)	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	-	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000	-	2.670.000.000.000	2.670.000.000.000
- Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn và lãi trái phiếu	-	41.173.342.467	41.173.342.467	-	39.846.443.836	39.846.443.836
		2.411.173.342.467	2.411.173.342.467	-	2.709.846.443.836	2.709.846.443.836

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)

100.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	100.000	10.000.000.000	10.000.000.000
---------	----------------	----------------	---	---------	----------------	----------------

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 6,0% đến 9,2% (1/1/2026: từ 4,4% đến 9%).

(ii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là lãi suất tham chiếu + 1,3%, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một năm một lần vào ngày 20 tháng 7.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – dài hạn

	30/6/2026				1/1/2026			
	Số lượng	Tỷ lệ % số lượng và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số lượng	Tỷ lệ % số lượng và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào:								
Công ty con								
▪ Công ty TNHH Nhựa Thiều niên Tiền Phong Miền Trung (i)		100,00%	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	100,00%	120.000.000.000
▪ Công ty TNHH Bát động sản Tiền Phong (ii)		100,00%	11.100.000.000	11.100.000.000	-	-	100,00%	11.100.000.000
			131.100.000.000	131.100.000.000	-			131.100.000.000
Công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong phía Nam (iii)	18.816.613	27,39%	84.150.000.000	84.150.000.000	-	18.816.613	27,39%	84.150.000.000
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (iv)	499.775	49,98%	5.397.000.000	5.397.000.000	-	499.775	49,98%	5.397.000.000
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (v)		51,00%	23.798.883.000	-	(23.798.883.000)	-	51,00%	23.798.883.000
			113.345.883.000	89.547.000.000	(23.798.883.000)			113.345.883.000
								89.547.000.000
								(23.798.883.000)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Đơn vị khác	30/6/2026				1/1/2026					
	Số lượng	Tỷ lệ % số lượng và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số lượng	Tỷ lệ % số lượng và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định	4.632.086	13,50%	46.784.068.600	46.784.068.600	-	4.632.086	13,50%	46.784.068.600	46.784.068.600	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1.980.000	1,78%	46.800.000.000	46.800.000.000	-	1.980.000	1,80%	46.800.000.000	46.800.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	396.000	17,39%	5.148.000.000	5.148.000.000	-	396.000	17,39%	5.148.000.000	5.148.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	1.128.120.000	1.128.120.000	-	56.406	4,80%	1.128.120.000	1.128.120.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1.500.000.000	165.000.000	(1.335.000.000)	150.000	1,11%	1.500.000.000	165.000.000	(1.335.000.000)
			101.360.188.600	100.025.188.600	(1.335.000.000)			101.360.188.600	100.025.188.600	(1.335.000.000)
			345.806.071.600	320.672.188.600	(25.133.883.000)			345.806.071.600	320.672.188.600	(25.133.883.000)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (ii) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (iii) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

Tại cuộc họp ngày 5 tháng 5 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, tương đương 34.346 triệu VND. Công ty đã được nhận 9.408.306.500 VND cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 33).

- (iv) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 5 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 15% vốn điều lệ, tương đương 1.500 triệu VND. Công ty đã được nhận 749.662.500 VND cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 33).

- (v) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phản ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng từ những năm trước.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	109.107.749.294	123.693.297.516
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (ii)	38.470.844.867	45.070.844.867
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (ii)	14.472.000	13.662.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (iii)	25.239.600	-
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (ii)	6.238.521.980	9.238.521.980
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	435.289.910.661	159.713.545.046
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	66.347.765.841	-
Các khách hàng khác	43.842.384.414	36.421.851.732
	699.336.888.657	374.151.723.141

- (i) Khoản phải thu này không tính lãi và được đảm bảo bằng 9.453.971 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khoán: NTP), thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.
- (ii) Các khoản phải thu này không được đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

12. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Eplas	74.407.567.775	96.875.716.112
Công ty TNHH TM Truyền thông Hướng Dương	18.500.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	57.507.363.826	36.552.102.038
	150.414.931.601	133.427.818.150

13. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND (Đã phân loại lại)	Dự phòng VND
Tạm ứng	4.675.625.278	-	2.631.457.043	-
Đặt cọc	93.000.000	-	371.000.000	-
Phải thu khác	4.699.988.037	-	6.827.309.251	-
	9.468.613.315	-	9.829.766.294	-

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2026				1/1/2026			
	Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-
Công ty TNHH Vĩ Nam	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 3 năm	38.470.844.867	(38.470.844.867)	-	Trên 3 năm	45.070.844.867	(45.070.844.867)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	Trên 3 năm	3.661.674.814	(3.661.674.814)	-	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	3.661.674.814	(2.563.172.370)	1.098.502.444
Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	6.238.521.980	(4.802.994.890)	1.435.527.090	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	9.238.521.980	(6.083.087.366)	3.155.434.614
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-
		50.720.000.865	(49.284.473.775)	1.435.527.090		60.320.000.865	(56.066.063.807)	4.253.937.058
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(49.284.473.775)				(56.066.063.807)	

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

15. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	384.161.010.336	-	146.587.924.871	-
Nguyên vật liệu	734.910.909.392	-	885.382.457.010	-
Công cụ và dụng cụ	20.199.558.237	-	16.112.757.541	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.480.020.464	-	37.131.846.348	-
Sản phẩm	416.708.386.252	(580.461.019)	252.027.318.509	(580.461.019)
	1.600.459.884.681	(580.461.019)	1.337.242.304.279	(580.461.019)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.571.613.618.211	1.223.422.263.236	198.742.563.121	17.041.031.556	3.010.819.476.124
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	168.609.352	53.710.159.042	1.069.000.000	-	54.947.768.394
Thanh lý	-	(1.076.456.000)	(892.818.600)	-	(1.969.274.600)
Số dư cuối kỳ	1.571.782.227.563	1.276.055.966.278	198.918.744.521	17.041.031.556	3.063.797.969.918
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	819.696.310.296	888.689.167.540	137.096.646.463	17.036.593.788	1.862.518.718.087
Khấu hao trong kỳ	36.294.504.555	26.486.730.290	5.981.960.994	4.437.768	68.767.633.607
Thanh lý	-	(1.076.456.000)	(892.818.600)	-	(1.969.274.600)
Số dư cuối kỳ	855.990.814.851	914.099.441.830	142.185.788.857	17.041.031.556	1.929.317.077.094
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	751.917.307.915	334.733.095.696	61.645.916.658	4.437.768	1.148.300.758.037
Số dư cuối kỳ	715.791.412.712	361.956.524.448	56.732.955.664	-	1.134.480.892.824

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 963.065 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 951.972 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	40.472.378.026	9.352.496.402
Tăng trong kỳ	55.978.469.140	47.817.565.233
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(54.947.768.394)	(43.436.977.604)
Số dư cuối kỳ	41.503.078.772	13.733.084.031

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	10.339.866.675	6.416.086.906
Máy móc, thiết bị	31.163.212.097	34.056.291.120
Tổng cộng	41.503.078.772	40.472.378.026

18. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	13.364.500.000	14.213.057.100
Chi phí sửa chữa, cải tạo	28.749.176.751	32.268.478.205
Các khoản khác	916.642.353	592.794.940
Tổng cộng	43.030.319.104	47.074.330.245

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	95.272.600.745	97.411.022	7.847.025.658	103.217.037.425
Phân bổ trong kỳ	(3.144.145.872)	(54.214.743)	(2.500.246.768)	(5.698.607.383)
Số dư cuối kỳ	92.128.454.873	43.196.279	5.346.778.890	97.518.430.042

19. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	80.405.866.939	60.973.716.514
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	3.787.777.158	4.327.521.655
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	2.952.251.709	3.232.633.606
Bên khác		
Borouge Pte Ltd.	162.356.594.400	23.632.473.150
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	27.534.570.336	57.789.197.569
Các nhà cung cấp khác	183.079.577.251	124.772.789.861
	460.116.637.793	274.728.332.355

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty TNHH Tam Phước	24.370.439.580	342.087.078.626
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	4.208.526.855	20.110.907.674
Công ty TNHH Đầu tư và PT KD Nam Phương	-	341.799.100.170
Cty TNHH TM Thái Hoà	-	106.494.483.769
Các nhà cung cấp khác	1.751.342.558	1.796.240.481
	30.330.308.993	812.287.810.720

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2026	Số phải nộp	Số đã nộp/	30/6/2026
	VND	trong kỳ	bù trừ trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	9.141.542.682	276.581.673.663	(282.721.290.590)	3.001.925.755
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	62.722.998.576	(62.722.998.576)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.049.791.174	140.577.204.183	(227.486.238.824)	95.140.756.533
Thuế thu nhập cá nhân	27.524.806.801	18.014.480.568	(33.539.638.795)	11.999.648.574
Tiền thuê đất	(3.364.678.965)	5.674.449.275	(2.376.421.310)	(66.651.000)
Thuế nhập khẩu	355.436.131	17.653.045.234	(17.653.046.234)	355.435.131
Các loại thuế khác	(52.988.740)	10.583.210	(86.741.313)	(129.146.843)
	215.653.909.083	521.234.434.709	(626.586.375.642)	110.301.968.150
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu Nhà nước	3.417.667.705			195.797.843
Thuế phải nộp Nhà nước	219.071.576.788			110.497.765.993

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Lãi vay phải trả	2.274.092.530	1.252.120.893
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	145.028.787.393	79.779.267.028
Chi phí vận chuyển	17.094.456.342	11.217.573.256
Chi phí thuê đất	28.515.033.494	25.292.806.870
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	2.035.486.411	3.236.694.445
Chi phí phải trả khác	2.036.292.802	8.582.082.137
	196.984.148.972	129.360.544.629

23. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Bên liên quan		
Các khoản trả hộ từ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	2.957.469.151	113.585.868.903
Bên khác		
Nhận đặt cọc ngắn hạn	12.717.352.277	15.097.928.306
Phải trả Công đoàn	4.910.359.919	11.001.070.765
Các khoản phải trả khác	7.842.536.523	3.798.087.831
	28.427.717.870	143.482.955.805

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

24. Vay ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2026 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.067.385.043.400	2.575.244.981.810	(1.804.132.003.352)	1.838.498.021.858

Các điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	Lãi suất hàng năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	6,4% - 7,65%	491.592.800.952	411.681.508.288
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam_LC	5,5%	452.189.749.336	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6,8% - 7,7%	270.279.874.677	280.449.050.089
Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm Hữu hạn - Chi nhánh Hà Nội	6,65% - 7,55%	222.837.677.454	31.129.357.821
Ngân hàng UOB Việt Nam	6,7% - 7,6%	176.032.835.330	66.907.509.242
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	7,15% - 7,8%	144.205.307.391	-
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	6,95% - 7,5%	75.981.652.818	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7,5%	5.378.123.900	221.325.850.917
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	4,7%	-	2.582.549.222
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	4,8%	-	50.112.430.381
Cathay United Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	4,8%	-	3.196.787.440
		1.838.498.021.858	1.067.385.043.400

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.576.515.943	6.853.132.157
Trích lập trong kỳ	94.582.659.595	71.108.529.586
Chuyển sang Quỹ Công đoàn	(90.000.000.000)	(70.000.000.000)
Sử dụng trong kỳ	(900.771.240)	(1.525.297.800)
Số dư cuối kỳ	8.258.404.298	6.436.363.943

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2025	1.425.322.840.000	1.217.621.008.916	759.708.942.806	3.402.652.791.722
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	492.252.679.846	492.252.679.846
Cổ tức	-	-	(356.330.710.000)	(356.330.710.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(71.108.529.586)	(71.108.529.586)
Số dư tại ngày 30/6/2025	1.425.322.840.000	1.217.621.008.916	824.522.383.066	3.467.466.231.982
Số dư tại ngày 1/1/2026	1.710.382.200.000	1.217.621.008.916	993.036.939.168	3.921.040.148.084
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	709.793.830.828	709.793.830.828
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 28)	342.069.840.000	-	(342.069.840.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 28)	-	-	(513.114.660.000)	(513.114.660.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(94.582.659.595)	(94.582.659.595)
Số dư tại ngày 30/6/2026	2.052.452.040.000	1.217.621.008.916	753.063.610.401	4.023.136.659.317

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	205.245.204	2.052.452.040.000	171.038.220	1.710.382.200.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	205.245.204	2.052.452.040.000	171.038.220	1.710.382.200.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	205.245.204	2.052.452.040.000	171.038.220	1.710.382.200.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	30/6/2026		30/6/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	171.038.220	1.710.382.200.000	142.532.284	1.425.322.840.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	34.206.984	342.069.840.000	28.505.936	285.059.360.000
Số dư cuối kỳ	205.245.204	2.052.452.040.000	171.038.220	1.710.382.200.000

28. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định i) phân phối khoản cổ tức của năm 2025 bằng tiền trị giá 513.114 triệu VND (3.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: 356.330 triệu VND (2.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 25% vốn điều lệ); và ii) trả cổ tức cho năm 2025 bằng cách phát hành 34.206.984 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% vốn điều lệ, tương đương 342.069 triệu VND.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

30. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.555.504.900	17.555.504.900
Từ hai đến năm năm	70.222.019.600	70.222.019.600
Trên năm năm	329.983.829.263	338.761.581.713
	417.761.353.763	426.539.106.213

(b) Ngoại tệ

		30/6/2026		1/1/2026
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	408.357	10.596.867.004	173.350	4.489.761.115

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	16.499.693.934

31. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu bán hàng thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	3.299.454.978.083	2.856.688.363.564
▪ Doanh thu khác	149.459.959.992	170.743.220.274
	3.448.914.938.075	3.027.431.583.838
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(127.457.001.574)	(90.460.750.976)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.305.042.997)	(2.853.592.600)
	(131.762.044.571)	(93.314.343.576)
Doanh thu thuần	3.317.152.893.504	2.934.117.240.262

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

32. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	2.091.178.636.980	1.925.704.976.174
▪ Giá vốn khác	146.536.441.170	165.853.618.556
	2.237.715.078.150	2.091.558.594.730

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	87.966.304.294	75.045.590.486
Lãi chênh lệch tỷ giá	830.963.884	1.085.159.981
Cổ tức và lợi nhuận được chia	147.916.860.384	102.997.167.582
	236.714.128.562	179.127.918.049

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	38.235.785.036	34.453.641.005
Chiết khấu thanh toán	23.637.147.650	16.448.209.345
Lỗ chênh lệch tỷ giá	323.006.993	47.552.446
	62.195.939.679	50.949.402.796

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	47.991.429.026	30.172.115.218
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	100.773.993.941	96.336.654.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.750.852.520	10.184.481.607
Chi phí vận chuyển	67.208.094.708	63.178.487.539
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	15.532.327.073	21.896.898.853
Chi phí bán hàng khác	34.566.924.695	40.818.001.173
	271.823.621.963	262.586.638.773

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	82.793.172.435	51.325.078.657
Chi phí khấu hao và phân bổ	11.657.277.260	16.091.261.564
Chi phí khác bằng tiền	23.328.929.449	21.659.590.116
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.781.590.032)	2.815.741.287
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	21.693.846.370	28.237.197.336
	132.691.635.482	120.128.868.960

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.070.471.747.267	1.832.126.206.287
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	100.773.993.941	96.336.654.383
Chi phí nhân công và nhân viên	338.487.518.765	229.215.728.741
Chi phí khấu hao và phân bổ	71.911.779.479	73.102.933.243
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.781.590.032)	2.815.741.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	172.861.592.905	160.521.499.659
Chi phí khác	66.534.535.129	79.176.956.345

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	140.490.834.925	97.313.878.065
Dự phòng thiếu trong năm trước	86.369.258	-
	140.577.204.183	97.313.878.065

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	850.371.035.011	589.566.557.911
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	170.074.207.002	117.913.311.582
Thu nhập không bị tính thuế	(29.583.372.077)	(20.599.433.517)
Dự phòng thiếu trong năm trước	86.369.258	-
	140.577.204.183	97.313.878.065

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2025
	30/6/2026	VND
	VND	
Công ty con		
Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung		
Bán hàng hóa, dịch vụ	44.049.514.727	9.981.280.271
Mua dịch vụ	191.783.530	199.345.293
Mua hàng hóa	-	13.953.864.268
Phân phối lợi nhuận	132.405.639.784	101.385.691.942

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	125.362.776.432	103.446.154.968
Mua hàng hóa, dịch vụ	156.344.353.810	146.195.693.363
Thu nhập khác	159.767.300	59.542.000
Cổ tức được chia	9.408.306.500	-
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Bán hàng hóa	13.400.000	16.200.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	21.369.769.242	19.685.269.912
Cổ tức được chia	749.662.500	499.775.000
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Bán hàng hóa	23.370.000	27.250.000
Mua hàng hóa	50.056.485.921	42.029.218.370
Thu nhập khác	4.629.630	2.674.480
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác		
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	3.843.451.506	2.326.021.302
Ông Noboru Kobayashi – Phó Chủ tịch	1.165.488.000	849.600.000
Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	3.472.970.924	3.099.690.046
Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	2.789.612.504	1.847.324.734
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	8.243.669.674	3.738.876.848

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

40. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh được mang sang từ số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với số liệu trình bày trong báo cáo tình hình tài chính riêng và các thuyết minh liên quan; và từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng Thông tư 99 dẫn tới một số số liệu thông tin so sánh khác cũng được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến quy định về trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (Đã phân loại lại) VND	1/1/2026 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	123	2.709.846.443.836	2.670.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	9.829.766.294	49.676.210.130

Ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập và Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc